TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNCH S** **TỈNH G L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2018/QĐST-HNGĐ	*Ch S, ngày 18 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn Gr S, xã D, huyện Ch S, tỉnh G L.
Bị đơn: Chị Trương Thị V, sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn Gr S, xã D, huyện Ch S, tỉnh G L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đinh Văn T và chị Trương Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung:

Trong thời gian chung sống anh Đinh Văn T và chị Trương Thị V có hai con chung là cháu Đinh Văn Th, sinh ngày 23/01/1993 và cháu Đinh Văn Th, sinh ngày 25/02/1995. Hiện các cháu Th, Thiện đã thành niên và có khả năng lao động nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2 Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đinh Văn T và chị Trương Thị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh T và chị V mỗi người phải chịu 75.000đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm; Anh T tự nguyện nộp thay phần án phí mà chị V phải nộp nên phần án phí về ly hôn mà anh T phải nộp là 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0001699 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L; Anh T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai trên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G L;
- VKSND tỉnh G L;
- VKSND huyện Ch S;
- Chi cục THADS huyện Ch S;
- UBND xã T X, T S, B Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu